TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Xuân.

2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

ĐKHKTT: Số nhà xx phố NS, phường AH, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Đình L, sinh năm 1993.

ĐKHKTT: Thôn PT, xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số xx/xx, đường số xx, quốc lộ xx, phường BHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh L (anh L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đình L kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC (trước đây là UBND xã TY),

huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/3/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đình L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên là Lê Tâm A, sinh ngày 21/12/2017, hiện nay đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị đề nghị được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giải quyết cho chị được ly hôn anh L và yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 16/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn anh Lê Đình L trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2017 tại UBND xã TY (nay là UBND xã TC), huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường AH, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì lý do không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nguyện vọng của anh là đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung:* Anh và chị H có 01 con chung là Lê Tâm A, sinh ngày 21/12/2017. Hiện nay con đang ở với chị H, anh đồng ý giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Lê Đình L có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải và làm việc của Tòa án, vì vậy thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Lê Đình L nhưng anh L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xử vắng mặt anh L.

* Về nội dung:

Chị H và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Ý (nay là xã Trung Chính), huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, chị H và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Hiện tại cả hai bên đương sự đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh L.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên là Lê Tâm A, sinh ngày 21/12/2017. Hiện nay con đang ở với chị H, anh L đồng ý giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con và anh không cấp dưỡng nuôi con chung, trong khi đó chị H đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét mà dành quyền cho các bên đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lê Đình L có hộ khẩu thường trú tại Thôn PT, xã TC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh

Thanh Hóa được quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án anh L không có mặt tại nơi cư trú và hiện nay đang sinh sống tại Số xx/xx, đường số xx, quốc lộ xx, phường BHB, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ đối với anh L, anh L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh L nhưng anh L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 để xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND TY (nay là xã TC), huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm cách giải quyết mà mỗi người ở mỗi nơi, không quan tâm đến nhau dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Tòa án đã thông báo để các bên đương sự đến Tòa án hòa giải nhưng anh L đi làm xa và có đơn xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên hòa giải và xét xử vụ án, nguyện vọng xin được ly hôn chị H nên Tòa án không thể hòa giải các bên đương sự. Xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình L có 01 con chung là Lê Tâm A, sinh ngày 21/12/2017 hiện đang ở với chị H. Anh L có nguyện vọng giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng phù hợp với yêu cầu của chị H là xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy, việc giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là bảo đảm cho cuộc sống của con và ghi nhận sự tự nguyện về không yêu cầu cấp dưỡng cho con của hai bên đương sự là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; Điều 28; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Đình L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tâm A, sinh ngày 21/12/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Đình L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002269 ngày 20 tháng 11 năm 2020. Ghi nhận chi Hạnh đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị H, vắng mặt anh L. Chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Cơ quan THADS h.Nông Cống;
- UBND xã Trung Chính, h.Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh